

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 2 NĂM 2011

Handwritten notes:
Hc kinh
No
HCP.NY
T


SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH
ĐẾN Số: 275/8
Giờ: Ngày 3 tháng 5 năm 11

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý II Năm 2011

Chi tiêu	Quý 2		Tích lũy đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ	587.245.279.974	550.668.403.763	1.076.066.757.736	960.043.328.312
2 Các khoản giảm trừ		2.125.000		2.125.000
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	587.245.279.974	550.666.278.763	1.076.066.757.736	960.041.203.312
4 Giá vốn hàng bán	494.567.285.164	496.209.431.896	905.629.856.578	832.379.843.152
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	92.677.994.810	54.456.846.867	170.436.901.158	127.661.360.160
6 Doanh thu hoạt động tài chính	41.794.341.468	67.563.924.300	104.558.894.062	91.440.708.467
Trong đó :				
- Cổ tức nhận được	6.727.020.748	29.467.499.530	7.198.947.711	39.082.773.138
- Lãi chênh lệch tỉ giá	21.750.573.643	20.264.927.540	51.226.685.215	23.877.665.689
- Lãi ngân hàng	9.477.517.787	3.101.406.557	20.280.846.862	3.350.821.663
- Lãi góp vốn liên doanh liên kết	3.839.229.291	14.730.090.673	25.852.414.275	25.129.447.977
7 Chi phí tài chính	124.284.429.017	53.173.906.910	184.438.768.857	85.037.972.659
Trong đó :				
- Chi phí lãi vay	42.875.372.610	24.231.534.961	76.320.182.014	41.361.852.153
- Lỗ chênh lệch tỉ giá	17.384.782.736	20.102.860.050	29.521.707.862	32.555.536.717
- Lỗ chứng khoán thực hiện	2.152.133.841	7.725.363.682	7.826.015.986	16.126.104.066
- Dự phòng đầu tư chứng khoán	61.872.139.830	1.114.148.217	70.770.862.995	(5.005.520.277)
8 Chi phí bán hàng	3.665.591.089	3.368.602.828	6.922.031.731	6.355.598.863
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.185.395.027	36.494.424.417	75.931.790.594	63.442.888.367
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(29.663.078.855)	28.983.837.011	7.703.204.038	64.265.608.738
11 Thu nhập khác	24.084.793.296	44.536.583.158	28.588.702.526	45.347.065.181
12 Chi phí khác	12.371.386.632	7.915.481.619	15.159.777.619	8.402.605.551
13 Lợi nhuận khác	11.713.406.664	36.621.101.539	13.428.924.907	36.944.459.630
14 Lãi lỗ từ hoạt động liên doanh liên kết				
14 Lợi nhuận trước thuế	(17.949.672.191)	65.604.938.550	21.132.128.946	101.210.068.368
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.769.878.064	12.819.879.380	5.851.314.062	15.948.952.648
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(1.875.265.175)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(21.719.550.255)	54.660.324.345	15.280.814.884	87.136.380.895
17.1 Lãi sau thuế của cổ đông thiểu số	(325.086.648)	2.019.225.534	719.669.863	3.340.793.493
17.2 Lãi sau thuế của Công ty Gemadept	(21.394.463.606)	52.641.098.812	14.561.145.020	83.795.587.402

Hồ Chí Minh, Ngày 25 tháng 7 năm 2011


Trương Như Nguyễn
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán



Đỗ Văn Minh
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

*H2 list Ng**KCP.Ng*

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: <u>27.519</u>
	Giờ: <u>Ngày 23 tháng 8 năm 2011</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.126.618.078.521	2.249.134.755.209
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	430.805.805.114	546.776.463.318
1. Tiền	111		389.194.071.836	340.315.646.953
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.611.733.278	206.460.816.365
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		757.427.257.955	829.571.056.916
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	923.430.262.746	924.803.198.712
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(166.003.004.791)	(95.232.141.796)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		656.617.870.006	630.151.872.814
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	319.152.974.213	305.874.538.833
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	205.874.958.917	170.624.562.709
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	133.888.097.384	155.484.696.989
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.298.160.507)	(1.831.925.717)
IV. Hàng tồn kho	140		75.332.346.675	62.630.234.723
1. Hàng tồn kho	141	V.7	75.332.346.675	62.630.234.723
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		206.434.798.771	180.005.127.439
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	15.424.984.921	14.802.582.694
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.648.744.121	7.586.001.544
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	27.346.420.469	26.379.380.486
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	149.014.649.260	131.237.162.715



Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.494.256.984.494	4.293.873.876.792
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.000.000.000	37.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.11	37.000.000.000	37.000.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.060.077.064.908	2.006.318.858.665
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	1.887.322.809.423	1.875.230.345.428
<i>Nguyên giá</i>	222		2.765.225.400.977	2.647.058.508.445
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(877.902.591.554)	(771.828.163.017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	5.284.479.960	7.266.838.830
<i>Nguyên giá</i>	225		23.890.768.666	23.890.768.666
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(18.606.288.706)	(16.623.929.836)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	46.144.254.431	46.871.871.305
<i>Nguyên giá</i>	228		51.082.730.663	50.952.780.398
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.938.476.232)	(4.080.909.093)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	121.325.521.093	76.949.803.102
III. Bất động sản đầu tư	240	V.16	245.148.210.081	251.094.268.173
<i>Nguyên giá</i>	241		279.448.439.795	279.448.439.795
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(34.300.229.714)	(28.354.171.622)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.813.551.719.756	1.654.484.902.143
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.17	-	500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	947.433.087.184	955.105.692.876
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	905.843.498.477	738.677.844.885
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.20	(39.724.865.905)	(39.798.635.618)
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.233.640.998	17.729.499.059
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	9.496.162.272	13.358.634.675
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	119.129.836	3.112.889.494
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.23	1.618.348.890	1.257.974.890
VI. Lợi thế thương mại	269	V.24	327.246.348.752	327.246.348.752
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.620.875.063.015	6.543.008.632.001

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.533.218.755.067	2.398.409.582.872
I. Nợ ngắn hạn	310		1.237.599.274.694	1.026.562.513.821
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.25	638.191.402.209	468.094.311.454
2. Phải trả người bán	312	V.26	177.318.108.366	186.849.714.448
3. Người mua trả tiền trước	313	V.27	31.023.095.467	11.054.170.252
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.28	24.887.741.174	15.522.053.389
5. Phải trả người lao động	315	V.29	11.428.986.480	25.187.984.086
6. Chi phí phải trả	316	V.30	46.834.734.410	43.216.453.384
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.31	292.468.899.618	264.096.996.656
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.32	15.446.306.970	12.540.830.151
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.295.619.480.373	1.371.847.069.051
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.33	20.741.807.959	22.966.486.450
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.34	981.897.251.186	1.057.458.920.308
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.35	23.332.602.192	20.769.883.430
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		476.798.734	621.554.400
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.36	269.171.020.302	270.030.224.463
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.915.298.604.496	3.972.823.847.570
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.915.298.604.496	3.972.823.847.570
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.37	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.37	2.169.160.586.400	2.169.160.586.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.37	71.797.775.902	71.797.775.902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.37	21.018.564.623	22.534.947.016
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.37	4.511.710.559	4.511.710.559
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.37	29.429.404.912	23.765.156.863
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.37	25.771.469.234	21.604.112.437
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.37	593.609.092.867	659.449.558.394

37
 Y
 AN
 NH
 UYỆ
 10 C

11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.38	172.357.703.451
			171.775.201.558
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.620.875.063.015
			6.543.008.632.001

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.132.128.946	101.210.068.368
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	119.829.155.757	90.430.870.608
- Các khoản dự phòng	03	71.163.328.072	(6.796.779.794)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(29.556.337.510)	12.113.579.387
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(54.766.325.973)	(86.981.208.519)
- Chi phí lãi vay	06	76.320.182.014	41.361.852.153
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	204.122.131.306	151.338.382.203
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(36.507.338.296)	(78.260.052.307)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(12.702.111.953)	5.838.786.096
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(72.366.025.399)	13.292.324.489
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.240.070.176	541.345.833
- Tiền lãi vay đã trả	13	(60.238.680.281)	(39.705.625.541)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.927.286.736)	(12.083.773.017)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	36.172.554.908	141.627.934.250
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(69.245.481.677)	(129.155.900.424)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14.452.167.952)	53.433.421.583
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(114.794.342.347)	(72.032.176.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	36.125.001.817	1.031.209.892
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	27.199.399.832
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(159.752.302.066)	(166.417.023.373)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	2.132.190.132	153.859.344.293
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.654.832.704	32.193.303.522
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(198.634.619.759)	(24.165.942.234)



Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Ma số	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	30.637.500.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	523.607.971.029	349.406.147.732
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(426.080.373.189)	(347.141.403.212)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(2.992.176.207)	(3.063.055.415)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.529.275.735)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	94.535.421.633	26.309.913.370
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(118.551.366.077)	55.577.392.719
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	546.776.463.318	224.033.300.556
<i>Điều chỉnh tiền và tương đương tiền đầu năm của các công ty hợp nhất lần đầu và loại khỏi hợp nhất năm nay</i>		4.097.090.267	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.516.382.393)	266.283.373
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	430.805.805.114	279.876.976.649

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011

Trương Như Nguyễn
 Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2011

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ

: Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

: Khai thác cảng, vận tải và logistics.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại;
- Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không;
- Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác;
- Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics;
- Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản;
- Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát;
- Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác;
- Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan;
- Trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm khác từ cao su.

4. Tổng số các công ty con

:

16

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất

:

16

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Gemadept (Singapore) Ltd.	120 Lower Delta Road, #15-14/15 Cendex Centre, Singapore.	100,00 %	100,00 %
Gemadept (Malaysia) Ltd.	No.49B, Jalan Cungah, 42000 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt	100,00 %	100,00 %

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
	Nam.		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	73,80 %	73,80 %
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH ISS - Gemadept	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, Việt Nam.	70,00 %	70,00 %
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	55,00 %	55,00 %
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen-Gemadept	Số 05-07 đường 3/2, phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, thị xã Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	100,00 %	50,00 %
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Số 452 Lê Thánh Tông, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	46,00 %	52,00 %
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	99,98 %	99,98 %
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa (**)	Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	5,00 %	55,00 %
6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu			
<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH thương mại Quà Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	45,00%	45,00%
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Số 6 Lê Thánh Tôn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	34,00%	34,00%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng	26,78%	26,78%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hào	Tàu, Việt Nam. Số 72 đường 19/4, phường Xuân An, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	29,00%	29,00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	38,02%	38,02%
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Lô J2, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam	Tầng 12, Tòa nhà Fideco, 81-85 Hàm Nghi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	A2 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	23,00%	23,00%
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Số 418 đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	25,00%	25,00%
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	26,56%	26,56%
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	Lầu 13 Trung tâm thương mại Sài Gòn, Số 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. 6 tháng đầu năm của tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là đơn vị mà Tập đoàn cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh lợi ích của Tập đoàn từ kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con và công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con và công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Tiền và tương đương tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 25

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

12. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

17. Chi phí trả trước dài hạn

Lãi thuê tài chính

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng (chủ yếu là phụ tùng container, phụ tùng xe nâng, dây cáp thép, vỏ xe...) được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong 02 năm theo phương pháp đường thẳng.

Các chi phí khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ theo thời hạn ghi trên hóa đơn, hợp đồng hoặc phân bổ từ 02 đến 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

19. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 01 - 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

20. Trái phiếu có thể chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

21. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

22. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

24. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2010:	18.932 VND/USD
	: 14.729 VND/SGD
	: 6.136 VND/RM
30/06/2011:	20.618 VND/USD
	: 16.680 VND/SGD
	: 6.828 VND/RM

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

26. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.12.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	31.353.245.098	25.576.340.628
Tiền gửi ngân hàng	357.811.519.562	314.677.253.425
Tiền đang chuyển	29.307.176	62.052.900
Các khoản tương đương tiền (*)	41.611.733.278	206.460.816.365
Cộng	<u>430.805.805.114</u>	<u>546.776.463.318</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	329.383.870.891	333.987.492.096
Đầu tư ngắn hạn vào Gemadept - Terminal Link	487.500.000.000	487.500.000.000
Cho đối tác vay	58.085.083.389	75.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn	48.461.308.466	28.315.706.616

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>923.430.262.746</u>	<u>924.803.198.712</u>
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Là khoản dự phòng giảm giá chứng khoán trên thị trường		
4. Phải thu khách hàng		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	149.769.111.278	150.093.327.439
Tại các công ty con	169.383.862.934	155.781.211.394
Cộng	<u>319.152.974.213</u>	<u>305.874.538.833</u>
5. Trả trước cho người bán		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	83.317.265.796	52.909.632.074
Tại các công ty con	122.557.693.121	117.714.930.635
Cộng	<u>205.874.958.917</u>	<u>170.624.562.709</u>
6. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	28.472.558.897	16.615.645.192
Phải thu từ các công ty liên kết, hợp tác	73.465.879.821	87.088.579.745
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	-	9.260.618.700
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay, trái phiếu	-	6.352.364.089
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.500.000.000	3.500.000.000
Các khoản phải thu khác	28.449.658.666	32.667.489.263
Cộng	<u>133.888.097.384</u>	<u>155.484.696.989</u>
7. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên, vật liệu, nhiên liệu	61.194.496.535	48.324.382.009
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.137.850.140	14.305.852.714
Cộng	<u>75.332.346.675</u>	<u>62.630.234.723</u>
8. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	5.485.270.105	5.670.771.337
Chi phí bảo hiểm	2.637.679.843	2.115.160.613
Các chi phí khác	7.302.034.973	7.016.650.744
Cộng	<u>15.424.984.921</u>	<u>14.802.582.694</u>
9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
Là các khoản thuế tạm trích nộp cho nhà nước chờ quyết toán.		
10. Tài sản ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	39.166.842.867	29.036.474.367
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	109.847.806.393	102.200.688.348
Cộng	<u>149.014.649.260</u>	<u>131.237.162.715</u>

11. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	<u>37.000.000.000</u>	<u>37.000.000.000</u>

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	443.174.153.933	311.930.900.056	1.831.778.694.101	20.474.793.465	39.699.966.890	2.647.058.508.445
Tăng trong năm	9.170.398.958	4.266.828.731	120.810.752.363	891.816.317		135.139.796.369
Giảm trong năm	(15.910.387.202)			(1.062.516.634)		(16.972.903.836)
Số cuối năm	<u>436.434.165.689</u>	<u>316.197.728.787</u>	<u>1.952.589.446.464</u>	<u>20.304.093.148</u>	<u>39.699.966.890</u>	<u>2.765.225.400.978</u>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	64.703.201.108	125.400.498.589	561.327.499.499	13.060.035.408	7.336.928.414	771.828.163.018
Tăng trong năm	10.210.909.640	13.599.625.493	84.831.346.853	1.730.771.436	1.450.553.209	111.823.206.631
Giảm trong năm	(4.686.261.460)			(1.062.516.634)		(5.748.778.094)
Số cuối năm	<u>70.227.849.288</u>	<u>139.000.124.082</u>	<u>646.158.846.352</u>	<u>13.728.290.210</u>	<u>8.787.481.623</u>	<u>877.902.591.554</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	378.470.952.825	186.530.401.467	1.270.451.194.602	7.414.758.057	32.363.038.476	1.875.230.345.428
Số cuối năm	<u>366.206.316.401</u>	<u>177.197.604.705</u>	<u>1.306.430.600.112</u>	<u>6.575.802.938</u>	<u>30.912.485.267</u>	<u>1.887.322.809.423</u>

13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	23.890.768.666	16.623.929.836	7.266.838.830
Tăng trong năm	-	1.982.358.870	(1.982.358.870)
Số cuối năm	<u>23.890.768.666</u>	<u>18.606.288.706</u>	<u>5.284.479.960</u>

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	39.643.458.865	11.309.321.533	50.952.780.398
Số tăng trong năm		129.950.265	129.950.265
Số giảm trong năm			
Số cuối năm	39.643.458.865	11.439.271.798	51.082.730.663
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	935.875.216	3.145.033.877	4.080.909.093
Khấu hao trong kỳ	295.327.140	562.239.999	857.567.139
Số cuối kỳ	1.231.202.356	3.707.273.876	4.938.476.232
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	38.707.583.649	8.164.287.656	46.871.871.305
Số cuối kỳ	38.412.256.509	7.731.997.922	46.144.254.431

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	22.606.198.411	118.886.055.591	75.715.751.017	65.776.502.985
XDCB dở dang	54.343.604.691	1.205.413.417	-	55.549.018.108
- Đầu tư quy hoạch khu bắc Rạch Chiếc, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	40.238.405.945	1.205.413.417		41.443.819.362
- Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091			2.694.479.091
- Dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173			3.658.444.173
- Các dự án khác	7.752.275.482			7.752.275.482
Cộng	76.949.803.102	120.091.469.008	75.715.751.017	121.325.521.093

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	279.448.439.795	28.354.171.622	251.094.268.173
Tăng trong năm		5.946.058.092	(5.946.058.092)
Số cuối năm	279.448.439.795	34.300.229.714	245.148.210.081

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	6 tháng đầu năm
Thu nhập từ việc cho thuê	46.812.873.147
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	16.260.050.802

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00%	42.761.600.000	45,00%	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	26,78%	9.642.000.000	26,78%	9.642.000.000
Công ty MBN-GMD Việt Nam	34,00%	1.534.080.000	34,00%	1.534.080.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	29,00%	32.206.940.000	29,00%	32.206.940.000
Công ty cổ phần du Lịch Minh Đạm	40,00%	18.264.608.143	40,00%	18.264.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,02%	23.236.200.000	38,02%	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	49,00%	11.882.010.000	49,00%	11.882.010.000
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam	49,00%	2.371.845.000	49,00%	2.371.845.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	23,00%	86.250.000.000	23,00%	86.250.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00%	29.375.000.000	25,00%	29.375.000.000
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	49,00%	2.319.909.000	49,00%	2.319.909.000
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	26,56%	49.825.280.000	26,56%	49.825.280.000
Công ty OOCL Việt Nam	49,00%	11.038.522.845	49,00%	17.913.906.635
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link	62,50%	612.052.327.921	62,50%	612.052.327.921
Khoản lãi của công ty liên kết khi hợp nhất		14.672.764.275		15.469.986.177
Cộng		947.433.087.184		955.105.692.876

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	203.374.669.600	203.374.669.600
Đầu tư tài chính dài hạn khác	561.568.828.877	373.703.175.285
- Công ty TNHH vận chuyển hàng công nghệ cao	12.635.901.494	12.635.901.494
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	190.950.000.000	190.950.000.000
- Dự án cao ốc văn phòng Falcon Hà Đông	32.500.000.000	32.500.000.000
- Các công ty khác	325.482.927.383	137.617.273.791
Tiền gửi có kỳ hạn	140.900.000.000	161.600.000.000
Cộng	905.843.498.477	738.677.844.885

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con		73.769.712
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	36.792.330.200	36.792.330.200
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	2.932.535.706	2.932.535.706

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	39.724.865.906	39.798.635.618
20. Chi phí trả trước dài hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	555.868.574
Chi phí sửa chữa tàu	6.234.495.936	8.832.114.060
Chi phí sửa chữa kho, văn phòng	2.261.211.334	2.673.618.182
Các chi phí khác	1.000.455.002	1.297.033.859
Cộng	9.496.162.272	13.358.634.675
21. Tài sản dài hạn khác		
Là các khoản ký quỹ dài hạn bảo đảm thanh toán		
22. Lợi thế thương mại		
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty cổ phần tiếp vận và cảng Quốc Tế Hoa Sen - Gemadept và Công ty cổ phần cảng Nam Hải được xác định bằng chênh lệch giữa giá mua và giá trị hợp lý của tài sản thuần (giá định giá trị hợp lý của tài sản thuần bằng giá trị ghi sổ kế toán).		
23. Vay và nợ ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	462.299.086.303	320.247.600.198
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	87.897.044.760	90.056.125.445
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	5.800.000.000	5.000.000.000
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	77.157.604.215	52.790.585.811
Tại Cty CP cảng Nam Hải	5.037.666.931	
Cộng	638.191.402.209	468.094.311.454
24. Phải trả cho người bán		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các nhà cung cấp dịch vụ	177.318.108.366	186.849.714.448
Cộng	177.318.108.366	186.849.714.448
25. Người mua trả tiền trước		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	6.992.577.298	4.540.635.640
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	1.386.140.802	
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		1.395.050
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long		797.896.955
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	24.800.000	773.954.445
Công ty ISS GMD VN	4.513.030.898	-
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept	33.553.000	3.032.738

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hải Phòng		
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	3.368.824.438	4.937.255.424
Tại Công ty cổ phần DV vận tải Trường Thọ	14.642.100.233	
Tại Công ty TNHH MTV hàng hải Thái Bình Dương	60.433.798	
Tại Công ty cổ phần Sư Tử Chúa	1.635.000	
Cộng	31.023.095.467	11.054.170.252
26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại công ty Gemadept Mẹ	6.364.401.316	4.657.818.782
Các công ty con	18.523.339.858	10.864.234.607
Cộng	24.887.741.174	15.522.053.389
27. Phải trả người lao động		
Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng... còn phải trả cho công nhân viên.		
28. Chi phí phải trả		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại công ty Gemadept Mẹ	7.457.480.397	14.081.299.436
Các công ty con	39.377.254.013	29.135.153.948
Cộng	46.834.734.410	43.216.453.384
29. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản thu hộ phải trả	76.829.781.586	50.614.560.338
Phải trả Công ty TML	43.688.509.077	160.000.000.000
Các khoản phải trả công ty liên kết	40.125.210.369	12.429.549.379
Các khoản phải trả phải nộp khác	131.825.398.586	41.052.886.939
Cộng	292.468.899.618	264.096.996.656
30. Phải trả dài hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	20.741.807.959	22.941.117.275
Nhận đặt cọc thuê tài sản dài hạn khác	-	25.369.175
Cộng	20.741.807.959	22.966.486.450
31. Vay và nợ dài hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	481.784.045.000	481.784.045.000
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	175.589.719.988	244.371.077.808
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	234.475.725.982	234.475.725.982
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	19.601.339.345	19.601.339.345

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	70.446.420.871	77.226.732.173
Cộng	981.897.251.186	1.057.458.920.308

32. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	269.167.286.868	269.167.286.868
Doanh thu chưa thực hiện khác	3.733.434	862.937.595
Cộng	269.171.020.302	270.030.224.463

33. Vốn chủ sở hữu*Biến động của vốn chủ sở hữu :*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh tăng</u>	<u>Phát sinh giảm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000			1.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.169.160.586.400			2.169.160.586.400
Vốn khác của chủ sở hữu	71.797.775.902			71.797.775.902
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	22.534.947.016		1.516.382.393	21.018.564.623
Quỹ đầu tư phát triển	4.511.710.559			4.511.710.559
Quỹ dự phòng tài chính	23.765.156.863	5.664.248.049		29.429.404.912
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21.604.112.437	5.664.248.049	1.496.891.252	25.771.469.234
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	659.449.558.394	14.561.145.020	80.401.610.547	593.609.092.867
Cộng	3.972.823.847.570	25.889.641.118	83.414.884.192	3.915.298.604.497

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Cổ tức : Trong 6 tháng đầu năm 2011. Công ty chưa thực hiện chi cổ tức bằng tiền cho cổ đông

34. Lợi ích của cổ đông thiểu số

	<u>Số cuối kỳ</u>
Phần vốn của cổ đông thiểu số	97.361.229.551
Phần lãi của cổ đông thiểu số	74.996.473.900
Cộng	172.357.703.451

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>6 tháng đầu năm 2011</u>	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>
Doanh thu dịch vụ vận tải	561.122.462.311	623.742.428.557
Doanh thu dịch vụ đại lý	37.501.942.616	61.185.830.222
Doanh thu cho thuê văn phòng	46.812.873.147	59.474.635.608
Doanh thu khai thác cảng, logistics, khác,...	430.629.479.662	215.638.308.925
Cộng	1.076.066.757.736	960.041.203.312

2. Giá vốn hàng bán

	<u>6 tháng đầu năm 2011</u>	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>
Giá vốn dịch vụ vận tải	527.011.068.388	587.285.382.556
Giá vốn dịch vụ đại lý	20.418.041.929	35.258.228.766
Giá vốn cho thuê văn phòng	16.260.050.802	16.252.936.120
Giá vốn khai thác cảng, logistics, khác,...	341.940.695.459	193.583.295.709
Cộng	905.629.856.578	832.379.843.151

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.198.947.711	39.082.773.138
Lãi góp vốn liên doanh	25.852.414.275	25.129.447.977
Lãi tiền gửi ngân hàng	20.280.846.862	3.350.821.663
Lãi chênh lệch tỷ giá	51.226.685.215	23.877.665.689
Cộng	104.558.894.062	91.440.708.467

4. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
Chi phí lãi vay	76.320.182.014	41.361.852.153
Lỗ chênh lệch tỷ giá	29.521.707.862	32.555.536.717
Lỗ đầu tư chứng khoán	7.826.015.986	14.868.448.911
Dự phòng đầu tư chứng khoán	70.770.862.995	-5.005.520.277
Chi phí tài chính khác		1.257.655.155
Cộng	184.438.768.857	85.037.972.659

5. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.915.457.327	4.012.957.231
Chi phí khác	3.006.574.404	2.342.641.632
Cộng	6.922.031.731	6.355.598.863

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
Chi phí lương nhân viên quản lý	36.394.450.155	29.519.178.010
Chi phí vật liệu	351.630.745	366.583.998
Chi phí đồ dùng văn phòng	544.041.916	588.255.957
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.084.449.328	5.666.036.177
Thuế, phí, lệ phí	2.200.414.453	88.690.257
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.912.768.947	22.309.189.846
Chi phí khác	5.444.035.050	4.904.954.122
Cộng	75.931.790.594	63.442.888.367

7. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	27.620.010.908	41.647.100.801
Các khoản thu nhập khác	968.691.618	3.699.964.380
Cộng	28.588.702.526	45.347.065.181

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>6 tháng đầu năm 2011</u>	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	10.567.412.217	5.768.309.534
Các khoản chi phí khác	4.592.365.402	2.634.296.017
Cộng	<u>15.159.777.619</u>	<u>8.402.605.551</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kê toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc